

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Tiếng Anh**

Tên tiếng Anh: **English Language Teacher Education**

Tên các chuyên ngành:

Mã ngành: **7140231**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*Bình Định, 2020*

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8. năm 2020*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh

Mã ngành: D140231

Tên tiếng Anh: English Language Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### **1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xây dựng theo hệ thống tín chỉ với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Chương trình Sư phạm Tiếng Anh hướng đến việc đáp ứng các yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông Việt Nam, quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và xu thế phát triển giáo dục thế giới.

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục; những kiến thức nền tảng vững chắc và chuyên sâu về tiếng Anh, nghiệp vụ dạy tiếng Anh ở trường phổ thông. Chương trình đào tạo còn trang bị cho người học nhiều kỹ năng như: sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong giảng dạy tiếng Anh, sử dụng ngoại ngữ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung) ở mức độ thành thạo để giao tiếp, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục để thực hiện tốt các công việc của một giáo viên. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh chú trọng vào việc đào tạo ra những cử nhân có đạo đức tốt, có đủ năng lực và kiến thức (chuyên ngành, tin học, ngoại ngữ hai) phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, thích ứng cao với các đòi hỏi trong Chương trình giáo dục phổ thông mới. Hơn nữa, người học

có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và các lĩnh vực liên quan.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Sư phạm Tiếng Anh
2. Mã ngành đào tạo	7140231
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Tập trung
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).
11. Thang điểm đánh giá	Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
13. Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành sư phạm tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí như: giáo viên tại các cơ sở dạy tiếng Anh ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học; giảng dạy tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học chuyên ngành thạc sĩ, tiến sĩ về phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà nội - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, Trường ĐHSPTp. Hồ Chí Minh

16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Năm 2020
----------------------------------	----------

### 1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh.

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học	x	x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (Ngôn ngữ, Văn hóa, Văn học, Tâm lý học, Giáo dục học,...)	x	x	x
		Các học phần thực hành (Ngữ pháp, Luyện âm,...)			x
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (Phương pháp dạy học, Kiểm tra, đánh giá, NKH trong giảng dạy tiếng Anh,...)		x	x
		Các học phần thực hành (Nghe, Nói, Đọc, Viết, Rèn luyện nghiệp vụ,...)		x	x
		Các học phần thực tập (TTSP1, TTSP2)	x	x	x
		Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	x	x	
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ....	x	x	x	
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh,...)	x		x	
	Hiển máu nhân đạo	x	x		
	Hoạt động vì người nghèo	x			

		Câu lạc bộ Những nhà giáo trẻ	X	X	X
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.	X		
	PLO2	Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Tiếng Anh và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.	X	X	X
	PLO3	Vận dụng được những kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, và ngữ nghĩa trong giảng dạy tiếng Anh.			X
	PLO4	Vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam, ngôn ngữ và văn hóa Anh, Mỹ, văn học Anh/Mỹ để giảng dạy cũng như giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình giảng dạy Tiếng Anh, đồng thời tạo nguồn cảm hứng đam mê học tiếng Anh cho người học.	X	X	X
	PLO5	Vận dụng kiến thức về biên/ phiên dịch để làm việc trong các lĩnh vực trong đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực du lịch/thương mại		X	X
	PLO6	Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.	X	X	X

PLO7	Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.		X	X
PLO8	Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.		X	X
PLO9	Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; đạt trình độ tiếng Pháp, hoặc tiếng Trung tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	X	X	X
PLO10	Giao tiếp bằng tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.		X	X
PLO11	Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.	X	X	X
PLO12	Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các	X		X

		hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.			
	PLO13	Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	x	x	
	PLO14	Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.	x	x	

#### 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

##### 1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh có kiến thức tốt về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm, có phẩm chất chính trị và có sức khỏe tốt để giảng dạy hiệu quả bộ môn tiếng Anh ở các bậc học học trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

##### 1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh bao gồm:

- Kiến thức

+ PO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương để rèn luyện phẩm chất chính trị và học tập suốt đời; trang bị những kiến thức khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với mọi cơ hội việc làm; cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ tổ quốc.

+ PO2: Trang bị cho sinh viên có kiến thức nền tảng về Tiếng Việt và kiến thức chuyên ngành về ngôn ngữ và văn hoá Anh, Mỹ, văn học Anh/Mỹ để giảng dạy tiếng Anh và những kiến thức căn bản về biên dịch, phiên dịch, thương mại, du lịch,... để có thể vận dụng vào công tác giảng dạy hay những công tác khác;

+ PO3: Trang bị cho sinh viên đầy đủ những kiến thức về lý luận và thực tiễn dạy học Tiếng Anh ở các bậc học trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

- Kỹ năng

+ PO4: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ thành thạo (tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt nam); trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp, tiếng Trung, hoặc tiếng Nhật tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản một cách hiệu quả trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục;

+ PO5: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục để thực hiện tốt các công việc của một giáo viên.

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

+ PO6: Hình thành cho sinh viên các phẩm chất cơ bản của người giáo viên: yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực để mỗi giáo viên thực sự là những tấm gương sáng góp phần hình thành nhân cách cho người học.

+ PO7: Hình thành cho sinh viên ý thức tự học, tự nghiên cứu để phát huy được tính chủ động tích cực, tính tự giác, tính độc lập trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Đồng thời tạo ra nội lực của người học nhằm đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

### **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)**

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

#### **1.5.1. Về kiến thức**

+ Kiến thức chung

1) PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

2) PLO2: Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Tiếng Anh và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.

+ Kiến thức chuyên môn

3) PLO3: Vận dụng được những kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, và ngữ nghĩa trong giảng dạy tiếng Anh;



- 4) PLO4: Vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam, ngôn ngữ và văn hoá Anh, Mỹ, văn học Anh/Mỹ để giảng dạy cũng như giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình giảng dạy Tiếng Anh, đồng thời tạo nguồn cảm hứng đam mê học tiếng Anh cho người học.
- 5) PLO5: Vận dụng kiến thức về biên/ phiên dịch để làm việc trong các lĩnh vực trong đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực du lịch/thương mại;
- 6) PLO6: Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.
- 7) PLO7: Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.1.5.2. Về kỹ năng
- + Kỹ năng chung
- 8) PLO8: Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phân biện; có khả năng làm việc nhóm.
- 9) PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; đạt trình độ tiếng Pháp, hoặc tiếng Trung tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- + Kỹ năng chuyên môn
- 10) PLO10: Giao tiếp bằng tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;
- 11) PLO11: Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.
- 12) PLO12: Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.

### **1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

13) PLO13: Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

14) PLO14: Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

**Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs**

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	x	x												
2			x	x										
3					x	x								
4									x	x				
5							x	x				x		
6									x		x			
7													x	x

**1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá**

**1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập**

**1.6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên**

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thực hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

**1.6.1.2. Các phương pháp giảng dạy – học tập**

Các phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo gồm:

**- Phương pháp dạy học trực tiếp**

Các phương pháp dạy học trực tiếp gồm:

1. Thuyết giảng (Lecture)

2. Tham luận (Guest Lecture)

**- Phương pháp dạy học gián tiếp**

- Các phương pháp dạy học gián tiếp gồm:

1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving)
3. Học theo tình huống (Case Study)

- **Học trải nghiệm**

- Các phương pháp dạy học trải nghiệm gồm:

1. Thực tập (Teaching Practicum)

- **Dạy học tương tác**

Các phương pháp dạy học tương tác gồm:

1. Thảo luận (Discussions)
2. Học nhóm (Peer Learning)
3. Tranh luận (Debate)

- **Tự học**

Phương pháp tự học chủ yếu là làm bài tập ở nhà (Homework Assignment).

*Bảng 1: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập*

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I. Dạy trực tiếp</b>														
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
2. Tham luận												x	x	x
<b>II. Dạy gián tiếp</b>														
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
5. Học theo tình huống			x	x	x	x		x	x	x		x		
<b>III. Học trải nghiệm</b>														
6. Thực tập, kiến tập					x	x						x	x	x
<b>IV. Dạy học tương tác</b>														
7. Tranh luận	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
8. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
9. Học nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>V. Tự học</b>														
10. Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		

### **Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học**

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan;

- Mỗi học kỳ, các bộ môn và Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

## 1.6.2. Phương pháp đánh giá

### 1.6.2.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 1.6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

#### a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	<b>Chuyên cần</b>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	10%
2	<b>Quá trình</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Bài tập về nhà</i>: Bài làm đúng và đầy đủ.</li> <li>* <i>Bài tập tại lớp</i>: Bài làm đúng, thể hiện được quan điểm cá nhân</li> <li>* <i>Bài thuyết trình</i>: Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt.</li> <li>* <i>Bài kiểm tra viết</i>: Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá.</li> <li>* <i>Bài thực hành</i>: Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá.</li> <li>* <i>Thảo luận, hoạt động nhóm</i>: Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân.</li> </ul>	20%
3	<b>Cuối kỳ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Bài thi viết</i>: Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá.</li> <li>* <i>Bài báo cáo viết</i>: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: Đúng quy định</li> <li>- Nội dung: Nội dung thông tin</li> </ul> </li> <li>* <i>Bài thuyết trình</i>: Mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt.</li> <li>* <i>Bài thi vấn đáp</i>: Bài làm đúng, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân.</li> <li>* <i>Bài thi thực hành</i>: Bài làm đúng, thể hiện được quan điểm cá nhân.</li> </ul>	70%

#### b. Học phần thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành

**c. Học phần khóa luận tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn

**1.6.2.3. Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

**Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>														
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		
3. Đánh giá thuyết trình			x		x	x		x		x	x	x	x	x
<b>II. Đánh giá tổng kết</b>														
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x			x	x		x		
5. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x		x	x			x	x		x		
6. Thi vấn đáp		x	x	x				x	x	x		x		
7. Báo cáo							x						x	x
8. Đánh giá thuyết trình			x		x	x		x		x	x	x		
9. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x

**2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**2.1. Cấu trúc chương trình dạy học**

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>24</b>	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An	9	3
1.3	Ngoại ngữ	0	7
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	0

2	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	114	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	22	04
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	47	0
2.3	Kiến thức bổ trợ	31	04
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
<b>Tổng:</b>		<b>[123]</b>	<b>[15]</b>
(Chưa bao gồm 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 9 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh)		<b>[138]</b>	

**- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 21 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN).**

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có sức khỏe tốt, có khả năng đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, giữ gìn tình hữu nghị giữa các dân tộc và bảo vệ hòa bình của thế giới; Có khả năng vận dụng các kiến thức tiếng Anh vào trong thực tế và có kiến thức tốt về ngoại ngữ hai trong giao tiếp; Có tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và có khả năng làm việc độc lập; Có những hiểu biết cơ bản về đạo đức nghề nghiệp và khả năng khởi nghiệp của một nhà giáo.

**- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 50 học phần:**

+ **Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (11 học phần)** giúp người học có kiến thức đầy đủ và sâu sắc về tiếng Anh để học tập suốt đời; có kỹ năng cơ bản về tư duy phản biện, làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, tâm lý học, giáo dục học.

+ **Khối kiến thức ngành và chuyên ngành (20 học phần)** giúp cho người học có những kiến thức vững chắc và chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa Anh; có những hiểu biết căn bản và có khả năng vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh; có kỹ năng tốt về thuyết trình, chuyển tải phổ biến kiến thức đến người khác; có tư duy phản biện và có lập luận, giải quyết các vấn đề liên quan đến giảng dạy tiếng Anh ; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.

+ **Khối kiến thức bổ trợ (14 học phần bắt buộc và 02/04 học phần tự chọn)** giúp cho người học hiểu được lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh; vận dụng và phân tích được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực tiếng Anh; có kỹ năng tốt trong việc truyền đạt, chuyển tải kiến thức đến người học; vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có tư duy phản biện và sử dụng những giải pháp thay thế trong công việc; có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến giảng dạy và quản lý lớp; có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tốt và có đạo đức nghề nghiệp.

+ Khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp: 03 học phần thay thế giúp người học làm quen với công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và biết cách tiến hành các sáng kiến kinh nghiệm phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục.

## 2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	PLOs														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36</b>	<b>24%</b>	M	M								L				M	M
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	8.7%	M														
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	8.0%	M														
1.3	Ngoại ngữ	7	4.7%										L					
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	2.7%		M								H					
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>114</b>	<b>76%</b>		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	26	17.3 %		H	H	H	H	H	H	H	H	L	M	M	M	M	M
2.2	Kiến thức ngành	47	31.3 %				M	M			H		H	M				
2.3	Kiến thức bổ trợ	35	23.3 %					M	H	H	H	H	L	H	H	M	H	H
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4%		M	M	M	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## 2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>24</b>									
<b>I.1. Khoa học chính trị và pháp luật</b>				<b>13</b>									
01	1130299	Triết học Mác - Lênin	1	3	40		10		85			LLCT-Luật và QLNN	
02	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6		57	1130299		LLCT-Luật và QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6		57			LLCT-Luật	

														và QLNN	
04	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		57	1130300	LLCT-Luật và QLNN				
05	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6		57	1130091	LLCT-Luật và QLNN				
06	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6		57	1130302	LLCT-Luật và QLNN				
<b>I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN</b>			<b>12</b>												
<b>Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 07 nhóm sau</b>			<b>3</b>												
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4		26		21	1120172	GDTC-QP				
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4		26		21	1120173	GDTC-QP				
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)	2	1	4		26		21	1120175	GDTC-QP				
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)	3	1	4		26		21	1120176	GDTC-QP				
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4		26		21	1120178	GDTC-QP				
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4		26		21	1120179	GDTC-QP				
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4		26		21	1120181	GDTC-QP				
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4		26		21	1120182	GDTC-QP				
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4		26		21	1120184	GDTC-QP				
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4		26		21	1120185	GDTC-QP				
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4		26		21	1120187	GDTC-QP				
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4		26		21	1120188	GDTC-QP				
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4		26		21		GDTC-QP				
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4		26		21	1120190	GDTC-QP				
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4		26		21	1120191	GDTC-QP				
<b>Giáo dục quốc phòng-AN</b>			<b>9</b>												
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	2	3	37		16		82		GDTC-QP				
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	2	2	22		16		52		GDTC-QP				



30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	2	2	14			32		44		GDTC-QP
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	2	2	4			56		36		GDTC-QP
<b>I.3. Ngoại ngữ</b>			7									
<i>Chọn 01 trong 02 học phần:</i>												
32	1090169	Tiếng Pháp 1	1	3	30	15				90		Ngoại ngữ
33	1090170	Tiếng Trung 1	1	3	30	15				90		Ngoại ngữ
<i>Chọn 01 trong 02 học phần:</i>												
34	1090167	Tiếng Pháp 2	2	4	40	20				120	1090169	Ngoại ngữ
35	1090168	Tiếng Trung 2	2	4	40	20				120	1090170	Ngoại ngữ
<b>I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quân lý</b>			4									
36	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH&NV
37	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TCNH&QTKD
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			114									
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành</b>			26									
<b>II.1.1. Phần bắt buộc</b>			22									
38	1050242	Tin học cơ sở (Su phạm)	1	3	30			30		75		CNTT
39	1100086	Tâm lý học	3	3	30	10	10			85	1130299	KHXH&NV
40	1100026	Giáo dục học	4	4	40	15	10			120	1130299 1100086	KHXH&NV
41	2030099	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	1	2	25		10			60		KHXH&NV
42	1090271	Luyện âm	1	2	20	10				60		Ngoại ngữ
43	1090272	Ngữ pháp tiếng Anh	1	2	20	10				60		Ngoại ngữ
44	1090281	Ngữ âm - Âm vị học	4	2	20	10				60	1090271	Ngoại ngữ
45	1090276	Hình thái học	3	2	20	10				60	1090272	Ngoại ngữ
46	1090290	Ngữ nghĩa học	6	2	20	10				60	1090276	Ngoại ngữ
<b>II.1.2. Phần tự chọn</b>			4									
<i>Chọn 01 trong 02 học phần:</i>												
47	1090296	Văn hóa Anh	6	2	20		20			60	1090289	Ngoại ngữ
48	1090297	Văn hóa Mỹ	6	2	20		20			60	1090289	Ngoại ngữ
<i>Chọn 01 trong 02 học phần:</i>												
49	1090301	Văn học Anh	7	2	20		20			60	1090296	Ngoại ngữ
50	1090302	Văn học Mỹ	7	2	20		20			60	1090297	Ngoại ngữ
<b>II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)</b>			47									
<b>II.2.1. Kiến thức ngành</b>			47									
51	1090273	Nói 1	2	3	30	15				90	1090271	Ngoại ngữ
52	1090277	Nói 2	3	3	30	15				90	1090273	Ngoại ngữ
53	1090282	Nói 3	4	2	20	10				60	1090277	Ngoại ngữ
54	1090286	Nói 4	5	2	20	10				60	1090282	Ngoại ngữ
55	1090291	Nói 5	6	2	20	10				60	1090286	Ngoại ngữ





14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
32	1090169	Tiếng Pháp 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
33	1090170	Tiếng Trung 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
34	1090167	Tiếng Pháp 2	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
35	1090168	Tiếng Trung 2	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
36	2030003	Kỹ năng giao tiếp	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-
37	1150422	Khởi nghiệp	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L	L	-
38	1050242	Tin học cơ sở (Su phạm)	-	-	-	-	-	-	-	H	-	M	-	-	M	-
39	1100086	Tâm lý học	-	H	-	-	-	-	M	-	-	-	H	M	-	-
40	1100026	Giáo dục học	-	H	-	-	-	-	M	-	-	-	H	M	-	-
41	2030099	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	-	-	-	H	-	-	-	L	-	-	-	L	-	L
42	1090271	Luyện âm	-	-	H	-	L	-	-	L	-	H	-	-	-	L
43	1090272	Ngữ pháp tiếng Anh	-	-	H	-	M	-	-	L	-	H	-	-	-	L
44	1090281	Ngữ âm - Âm vị học	-	-	H	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	L
45	1090276	Hình thái học	-	-	H	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	L
46	1090290	Ngữ nghĩa học	-	-	H	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	L
47	1090296	Văn hóa Anh	-	-	-	H	-	-	-	L	-	M	-	-	-	-
48	1090297	Văn hóa Mỹ	-	-	-	H	-	-	-	L	-	M	-	-	-	-
49	1090301	Văn học Anh	-	-	-	H	-	-	-	L	-	M	-	-	-	-

50	1090302	Văn học Mỹ	-	-	-	H	-	-	-	L	-	M	-	-	-	-
51	1090273	Nói 1	-	-	-	-	L	-	-	L	-	L	-	-	-	-
52	1090277	Nói 2	-	-	-	-	L	-	-	L	-	L	-	-	-	-
53	1090282	Nói 3	-	-	-	-	M	-	-	M	-	M	-	-	-	-
54	1090286	Nói 4	-	-	-	-	H	-	-	H	-	H	-	-	-	-
55	1090291	Nói 5	-	-	-	-	H	-	-	H	-	H	-	-	-	-
56	1090274	Viết 1	-	-	-	-	L	-	-	L	-	L	-	-	-	L
57	1090278	Viết 2	-	-	-	-	L	-	-	L	-	L	-	-	-	L
58	1090283	Viết 3	-	-	-	-	M	-	-	M	-	M	-	-	-	L
59	1090287	Viết 4	-	-	-	-	H	-	-	H	-	H	-	-	-	L
60	1090292	Viết 5	-	-	-	-	H	-	-	H	-	H	-	-	-	L
61	1090275	Nghe 1	-	-	-	-	L	-	-	-	-	L	-	-	-	L
62	1090279	Nghe 2	-	-	-	-	L	-	-	-	-	L	-	-	-	L
63	1090284	Nghe 3	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	-	-	-	L
64	1090288	Nghe 4	-	-	-	-	H	-	-	-	-	H	-	-	-	L
65	1090293	Nghe 5	-	-	-	-	H	-	-	-	-	H	-	-	-	L
66	1090270	Đọc 1	-	-	-	-	L	-	-	-	-	L	-	-	-	L
67	1090280	Đọc 2	-	-	-	-	L	-	-	-	-	L	-	-	-	L
68	1090285	Đọc 3	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	-	-	-	L
69	1090289	Đọc 4	-	-	-	-	H	-	-	-	-	H	-	-	-	L
70	1090294	Đọc 5	-	-	-	-	H	-	-	-	-	H	-	-	-	L
71	1090053	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	-	-	L	L	-	L	-	M	-	-	-	-	-	-
72	1090054	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	-	-	H	M	-	M	-	M	H	-	M	-	-	-
73	1090055	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3	-	-	H	H	-	H	-	H	H	L	H	-	-	-
74	1090057	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1	-	-	L	L	-	L	-	H	-	-	-	-	-	-
75	2010086	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2	-	-	M	M	-	H	-	H	H	-	M	-	-	-
76	2010090	Rèn luyện nghiệp vụ SP 3	-	-	H	H	-	H	-	H	H	L	H	-	-	-
77	2010088	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-
78	2010089	Dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học	-	-	M	-	-	H	-	-	-	-	M	-	-	-
79	2010091	Sử dụng đa phương tiện trong giảng dạy tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	H	-	-	-
80	2010087	Phương pháp NCKH trong giảng dạy tiếng Anh	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	M
81	1090295	Biên dịch	-	-	L	-	H	-	-	-	-	M	-	-	-	-
82	1090298	Phiên dịch	-	-	L	-	H	-	-	-	-	M	-	-	-	-
83	1090303	Kỹ năng thuyết trình	-	-	-	L	-	-	-	H	-	M	-	-	-	-

		bằng tiếng Anh														
84	1090299	Kỹ năng đàm phán bằng tiếng Anh	-	-	-	L	-	-	-	H	-	M	-	-	-	-
85	1090304	Tiếng Anh Khách sạn- Du lịch	-	-	-	-	M	-	-	-	-	L	-	-	-	-
86	1090300	Tiếng Anh Thư tín thương mại	-	-	-	-	M	-	-	-	-	L	-	-	-	-
87	1090059	Thực tập sư phạm 1	-	M	M	M	-	M	L	M	M	-	-	M	M	M
88	1090060	Thực tập sư phạm 2	-	H	H	H	-	H	H	H	H	L	H	H	H	M
89	2010092	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	L	M	-	M	M	M	M	H	L	-	-	M
90	2010093	Đạy học tiếng Anh theo dự án	-	-	-	-	-	M	M	M	M	-	L	-	-	-
91	2010095	Nghiên cứu hành động	-	L	-	-	-	L	M	-	L	-	-	M	-	H
92	2010094	Phát triển nghiệp vụ cho giáo viên	-	-	-	-	-	-	L	L	-	-	-	-	-	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## 2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

### 2.6.1. [1130299], [Triết học Mác - Lênin], [3 TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

### 2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác-Lênin], [2 TC]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### 2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2 TC]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống

pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

#### **2.6.4. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2 TC]**

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

#### **2.6.5. [1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

#### **2.6.6. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2 TC]**

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

#### **2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1 TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất

thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [1 TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [1 TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam. Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)], [1 TC]**

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

**2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)], [1 TC]**

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.

**2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)], [1 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

**2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1 TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình



thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1 TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1 TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

**2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1 TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

**2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1 TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

**2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1 TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

**2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1 TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp

thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập. Giáo dục, giáo dỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1 TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đới kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập. Giáo dục, giáo dỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1 TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đới kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất. Giáo dục, giáo dỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1 TC]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

Lịch sử phát triển Taekwondo

Phân tích các kỹ thuật Taekwondo

Luật thi đấu Taekwondo

Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công

Kỹ thuật đối luyện

Kỹ thuật quyền

**2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1 TC]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

Lịch sử phát triển Taekwondo

Phân tích các kỹ thuật Taekwondo

Luật thi đấu Taekwondo

Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công

Kỹ thuật đối luyện

Kỹ thuật quyền

#### **2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1 TC]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

Lịch sử phát triển Taekwondo

Phân tích các kỹ thuật Taekwondo

Luật thi đấu Taekwondo

Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công

Kỹ thuật đối luyện

Kỹ thuật quyền

#### **2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1 TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1 TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1 TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**2.6.28. [1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3 TC]**

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

**2.6.29. [1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2 TC]**

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

**2.6.30. [1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2 TC]**

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách

phòng tránh dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

#### **2.6.31. [1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2 TC]**

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

#### **2.6.32. [1090169], [Tiếng Pháp 1], [3 TC]**

Học phần Tiếng Pháp 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Pháp, cùng với việc rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Pháp tương đương trình độ A1 (theo chuẩn Châu Âu CEFR, tương đương với trình độ A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam VSTEP), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá, văn minh Pháp và các kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng ngôn ngữ thường dùng. Cụ thể như sau: Các kiến thức về ngữ âm, bảng chữ cái, từ vựng theo từng chủ điểm, các mẫu câu đơn giản, các điểm ngữ pháp cơ bản thường dùng trong giao tiếp... Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, nền tảng liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa, văn minh Pháp.

#### **2.6.33. [1090170],[Tiếng Trung 1], [3 TC]**

Học phần Tiếng Trung 1 gồm 15 bài được giáo viên soạn riêng cho người mới bắt đầu học tiếng Trung là sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm Anh thuộc trường Đại học Quy Nhơn. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Trung, cùng với việc rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Trung tương đương trình độ A1 chuẩn đầu ra (theo chuẩn Châu Âu, tương đương với trình độ HSK 1), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá Trung Quốc và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Cụ thể như sau: Các kiến thức về ngữ âm, cách viết chữ Hán, 150 từ vựng, khoảng hơn 150 mẫu câu đơn giản, các điểm ngữ pháp cơ bản thường dùng trong giao tiếp.

#### **2.6.34. [1090167], [Tiếng Pháp 2], [4 TC]**

Chương trình cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp dành cho người học có trình độ bắt đầu A2. Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm, viết tin nhắn, email). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

#### **2.6.35. [1090168],[Tiếng Trung 2], [4 TC]**

Học phần Tiếng Trung 2 gồm 15 bài được giáo viên soạn riêng cho học phần Tiếng Trung 2, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp học viên phương pháp học tiếng Trung có hiệu quả. Là học phần tiếp theo của học phần Tiếng Trung 1 cung cấp khối kiến thức giáo dục đại cương. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp ở trình độ ở trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá Trung Quốc và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Cụ thể như sau: Các kiến thức về từ vựng, khoảng 350 từ vựng, 150 mẫu câu đơn giản, thường dùng trong giao tiếp, các điểm ngữ pháp cơ bản.

#### **2.6.36. [2030003],[Kỹ năng giao tiếp],[2 TC]**

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

#### **2.6.37. [1150422],[Khởi nghiệp],[2 TC]**

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

#### **2.6.38. [1050242],[Tin học cơ sở (Sw phạm)],[3 TC]**

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, những kiến thức cơ bản về E-Learning, và các phần mềm phục vụ giảng dạy phổ biến. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng Tin học vào các hoạt động giảng dạy của ngành mà sinh viên đang học.

#### **2.6.39. [1100086],[Tâm lý học],[3 TC]**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý và tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.

#### **2.6.40. [1100026],[Giáo dục học],[4 TC]**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:

- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể.
- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học.
- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục.
- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh.

#### **2.6.41. [2030099], [Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành], [2 TC]**

Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành là học phần ghép. Phần thứ nhất, dẫn luận ngôn ngữ, cung cấp cho người học những kiến thức có tính nền tảng về ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ; vấn đề nguồn gốc và quy luật phát triển của ngôn ngữ; bản chất tín hiệu của ngôn ngữ. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về từng bộ phận của ngôn ngữ như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Phần thứ 2, Tiếng Việt thực hành, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản mang tính thực hành về tiếng Việt.

#### **2.6.42. [1090271], [Luyện âm], [2 TC]**

Học phần Luyện âm được thiết kế nhằm giúp người học đạt được năng lực phát âm ở trình độ trung cấp (Intermediate), nắm được hệ thống âm trong tiếng Anh, cách phát âm và ký âm của từng âm cụ thể. Người học sẽ nhận biết được mối quan hệ giữa âm thanh và con chữ; các âm có tương đương và không tương đương so với hệ thống âm của tiếng Việt, nắm được những nguyên tắc cơ bản về trọng âm, ngữ điệu và cách đọc nối, nhận biết và chỉnh sửa được những lỗi sai về phụ âm, nguyên âm, trọng âm trong cách phát âm. Ngoài ra, học phần còn giúp người học luyện tập ngữ điệu, nối từ khi phát âm một đơn vị câu cũng như hỗ trợ người học trong việc rèn luyện độ chính xác và trôi chảy khi nói tiếng Anh.

#### **2.6.43. [1090272], [Ngữ pháp tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp cơ bản tiếng Anh. Mỗi bài học sẽ cung cấp cấu trúc ngữ pháp, cách dùng, từ vựng, và bài tập tương ứng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể sử dụng đúng và hiệu quả ngữ pháp tiếng Anh trong nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh hoặc những môn học liên quan.

#### **2.6.44. [1090281], [Ngữ âm – Âm vị học], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm cơ bản Ngữ âm – Âm vị học: các cơ quan phát âm, cơ chế phát âm, hệ thống âm, âm vị, các quy luật ngữ âm, các yếu tố nhịp điệu, ngữ điệu, nối âm, dấu trọng âm, ngữ điệu. Kết thúc học phần, sinh viên nắm vững và thực hành được các vấn đề cơ bản về các đặc trưng của việc phát âm trong tiếng Anh – trong giới hạn của từ, cụm từ, và

phát ngôn. Học phần này giúp sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng những kiến thức cơ bản về phát âm trong tiếng Anh đạt hiệu quả giao tiếp cao.

**2.6.45. [1090276], [Hình thái học], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về hình thái học và kỹ năng để phân tích, giải thích và miêu tả bản chất từ vựng tiếng Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hình thái học như hình vị, tha hình vị, và các tiểu loại của chúng trong tiếng Anh. Học phần cũng trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các quy trình hình thành và các quy tắc phân tích từ vựng tiếng Anh. Vì vậy, học phần này đóng một vai trò quan trọng và liên quan mật thiết đến một số học phần khác trong chuyên ngành đào tạo nhằm giúp sinh viên có thể xác định được các từ loại và có thể sử dụng đúng trong câu để đạt hiệu quả giao tiếp.

**2.6.46. [1090290 ], [Ngữ nghĩa học], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm cơ bản trong Ngữ nghĩa học: vấn đề nghĩa của từ, câu, và phát ngôn trong tiếng Anh. Sau khi hoàn thành học phần, người học nắm và phân tích được các định nghĩa, khái niệm và bản chất các vấn đề liên quan đến nghĩa của từ, câu và phát ngôn; nét nghĩa và các mối quan hệ về nghĩa ; về tính vị ngữ và đặc điểm của tính vị ngữ; về hành vi ngôn ngữ và các vấn đề liên quan. Học phần này giúp sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa vào đọc và diễn đạt tiếng Anh đạt hiệu quả giao tiếp cao.

**2.6.47. [1090296], [Văn hóa Anh], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngữ kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, dân cư, hệ thống chính trị, giáo dục, và các kỳ lễ hội ở Vương quốc Anh. Thông qua các hoạt động học tập, sinh viên không những tiếp thu kiến thức về đời sống Anh mà còn củng cố hiểu biết văn hóa Việt nam, nâng cao kỹ năng ngôn ngữ, nâng cao nhận thức về sự đa dạng trong văn hóa và tầm quan trọng của yếu tố văn hóa trong giao tiếp xuyên văn hóa, vận dụng những kiến thức đó trong việc học tiếng Anh và trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa.

**2.6.48. [1090297], [Văn hóa Mỹ], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngữ kiến thức cơ bản về nước Mỹ ở các lĩnh vực lịch sử, địa lý, dân cư, hệ thống chính trị, giáo dục, các phép lịch sự. Thông qua các hoạt động học tập, sinh viên không những tiếp thu kiến thức về đời sống Mỹ mà còn củng cố hiểu biết văn hóa Việt nam, nâng cao kỹ năng ngôn ngữ, nâng cao nhận thức về sự đa dạng trong văn hóa và tầm quan trọng của yếu tố văn hóa trong giao tiếp xuyên văn hóa, vận dụng những kiến thức đó trong việc học tiếng Anh và trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa.

**2.6.49. [1090301], [Văn Học Anh], [2 TC]**

Học phần cung cấp cho sv những hiểu biết về quá trình hình thành và phát triển của nền văn học Anh với những tác giả tiêu biểu cho từng giai đoạn, trào lưu văn học cũng như các tác phẩm tiêu biểu



cho mỗi tác giả, qua đó nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ cho sinh viên. Ngoài ra, sinh viên sẽ được làm quen với cách phân tích các yếu tố văn học của tác phẩm và các thủ pháp văn học được sử dụng trong các đoạn trích. Học phần thuộc chuyên ngành bắt buộc, ứng dụng các kiến thức học phần nghe, nói, đọc, viết và văn học Mỹ trong các học kỳ trước.

#### **2.6.50. [1090302], [Văn học Mỹ], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn học Mỹ và vận dụng làm kiến thức nền để hỗ trợ phát triển các kỹ năng thực hành tiếng và các kỹ năng nghề nghiệp như biên phiên dịch, du lịch. Mỗi bài học sẽ giới thiệu các giai đoạn tiêu biểu của văn học Mỹ, phiêu thai từ khi Christopher Columbus tìm thấy châu Mỹ năm 1492 cho đến thế kỷ 20. Sinh viên sẽ được làm quen, nghiên cứu, phân tích các tác phẩm tiêu biểu của từng thời kỳ qua các tóm tắt tác phẩm và trích đoạn.

#### **2.6.51. [1090273], [Nói 1], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về giao tiếp theo hình thức nói tiếng Anh về những chủ đề quen thuộc về bản thân như: HOMETOWNS, JOBS, STUDIES, SCHOOLS, HOLIDAYS/FESTIVALS, TRAVEL, INTERESTS/ HOBBIES, FRIENDS, TRANSPORTATIONS, MY HOME. Mỗi bài học sẽ giới thiệu cấu trúc, từ vựng, ngữ pháp, cách đặt câu hỏi trả lời và những chiến thuật trong nói tiếng Anh. Sau khi học xong học phần này, người học có thể thực hiện giao tiếp lưu loát hiệu quả về những dạng câu hỏi về bản thân.

#### **2.6.52. [1090277], [Nói 2], [3 TC]**

Học phần Nói 2 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ Hai ngành Sư phạm Tiếng Anh, thuộc khoa Sư phạm, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để tham gia hội thoại bằng Tiếng Anh ở cấp độ A2-B1 với các chủ đề cụ thể, People, Vacation, Errands, Stories, Friends, Business, Culture, và Future. Phương pháp học chủ yếu của học phần này là yêu cầu sinh viên làm việc theo cá nhân, cặp, nhóm tiến hành các hoạt động được minh họa và hướng dẫn bởi giảng viên, tự luyện tập một số các bài tập tình huống giao tiếp (theo cặp hoặc theo nhóm) và thảo luận tại lớp một số vấn đề chính đã luyện tập. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng được các từ vựng, cấu trúc liên quan đến các chủ đề trong học phần, hiểu và vận dụng được các chức năng giao tiếp đa dạng ở trình độ A2-B1. Các bài học bao gồm các phần: Vocabulary, Conversation, Language Booster, Pronunciation hoặc Listening, Speak with Confidence, English in Action.

#### **2.6.53. [1090282], [Nói 3], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng, kiến thức và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh một cách tự nhiên, lưu loát và phù hợp với một số tình huống trong thực tế. Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những từ ngữ cần thiết về một số chủ đề thường gặp, phát triển kỹ năng nói có cấu trúc thông qua các hoạt động đàm thoại, luyện tập ngôn ngữ chức năng và cách phát âm chuẩn xác.

Phương pháp học chủ yếu của học phần này là yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm, tóm tắt lý thuyết và hệ thống hóa từ vựng, cấu trúc của mỗi bài học, làm các hoạt động thực hành, tự luyện tập một số lượng các hoạt động nói. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh một cách tự tin các tình huống thường ngày. Các bài học sẽ bao gồm các phần: Vocabulary, Conversation, Language Booster, Pronunciation, Speak with Confidence.

**2.6.54. [1090286], [Nói 4], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nói về một số đề tài liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Mỗi bài học sẽ cung cấp sinh viên kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và ý tưởng để mô tả sự vật và các trải nghiệm, trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề được yêu cầu. Ngoài ra, thông qua các bài tập ở mỗi đơn vị bài học, sinh viên được tạo cơ hội để luyện tập ngữ liệu đã được cung cấp bằng việc hoàn tất các câu hỏi của ba phần trong kỹ năng nói theo định hướng IELTS.

**2.6.55. [1090291], [Nói 5], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trình bày quan điểm và tranh luận về một số chủ đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Mỗi bài học sẽ cung cấp sinh viên từ vựng, cấu trúc, ý tưởng để tranh luận với nhau về một vấn đề có tính thời sự và thường gây tranh cãi. Ngoài ra, mỗi bài học còn rèn luyện cho sinh viên cách tổ chức, sắp xếp ý một cách hợp lý khi tranh luận với người khác nhằm tăng sức thuyết phục, có chiến lược và phương pháp cho các lập luận, đồng thời giúp sinh viên luyện tập việc nhìn nhận, đánh giá vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.

**2.6.56. [1090274], [Viết 1], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tạo ra các loại câu thông dụng trong Tiếng Anh học thuật. Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số loại câu sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự.

**2.6.57. [1090278], [Viết 2], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tạo ra các bức thư thông dụng bằng Tiếng Anh, để giao tiếp trong các hoạt động hằng ngày như viết thư cảm ơn, viết thư phàn nàn hay thư hỏi thông tin. Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp thường sử dụng thư để giao tiếp. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự đời thực. Học phần còn tập trung vào các loại văn bản khác hữu ích cho các hoạt động phát triển nghề nghiệp sau này của sinh viên như viết thư xin việc.

**2.6.58. [1090283], [Viết 3], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên cách viết dàn ý và một đoạn văn hoàn chỉnh bằng tiếng Anh và các dạng đoạn văn. Mỗi bài đều bao gồm lý thuyết và thực hành thông qua các dạng bài tập từ dễ đến khó nhằm giới thiệu cho sinh viên bố cục của một đoạn văn hoàn chỉnh, cách viết câu chủ đề, câu kết

luyện và cách đảm bảo tính thống nhất, mạch lạc khi phát triển ý trong đoạn. Ngoài ra, này, sinh viên cũng có cơ hội thực hành viết các dạng đoạn văn cơ bản, bao gồm đoạn văn miêu tả, đoạn văn phân loại, đoạn văn nguyên nhân-hậu quả, và đoạn văn vấn đề-giải pháp. Học phần thuộc chuyên ngành bắt buộc, ứng dụng các kiến thức học phần viết 1 và 2 và làm cơ sở cho các học phần viết 4 và viết 5 trong các học kỳ tiếp theo.

#### **2.6.59. [1090287], [Viết 4], [2 TC]**

Học phần Viết 4 trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về viết bài luận tiếng Anh theo phong cách học thuật ở trình độ trên trung cấp (B2). Học phần giới thiệu cho sinh viên về bố cục của một bài luận, cách viết đoạn mở bài, thân bài và kết luận một cách hiệu quả, đồng thời hướng dẫn sinh viên cách triển khai ý và lập dàn ý chặt chẽ cho bài viết. Trong học phần này, sinh viên cũng được học cách tổ chức và có cơ hội thực hành viết các loại bài luận cơ bản: bài luận nguyên nhân-hệ quả, so sánh-tương phản, và bài luận nêu lợi ích và bất lợi.

#### **2.6.60. [1090292], [Viết 5], [2 TC]**

Học phần giới thiệu cách viết một bài luận opinion hoàn chỉnh bằng tiếng Anh và hai dạng tiêu biểu. Hai bài đầu tiên giới thiệu bài mẫu và các bài tập thực hành. Các bài còn lại tập trung vào luyện tập theo chủ đề cụ thể.

#### **2.6.61. [1090275], [Nghe 1], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh ở mức độ cơ bản với các chủ đề quen thuộc trong đời sống và học tập. Học phần gồm có 5 đơn vị bài học tập trung vào thực hành nghe hiểu để lấy thông tin liên quan đến tên người và địa điểm, số liệu, ý chính thông qua các chủ đề thường gặp trong cuộc sống và các chủ đề về khoa học và học thuật ở mức độ sơ cấp. Ngoài ra, học phần này cũng giúp người học cải thiện cách phát âm và tăng cường kỹ năng giao tiếp cho sinh viên.

#### **2.6.62. [1090279], [Nghe 2], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng Nghe tiếng Anh thông dụng với các chủ đề đa dạng như các loại công việc, các dịch vụ ở trường đại học, các vấn đề nghiên cứu, mua sắm, sở thích, thể thao, sự tương tác giữa công việc và cuộc sống, văn hóa và khám phá các nguồn thiên nhiên. Những bài học sẽ giới thiệu các hoạt động và các loại bài tập để sinh viên thực hành dưới hình thức đa lựa chọn, điền từ, hoàn thành những bài ghi chép ngắn, các bài tập ghép nối các ý tưởng, trả lời ngắn, điền thông tin vào các biểu đồ. Mỗi bài học đều cung cấp các nguồn từ vựng liên quan đến các chủ đề. Sinh viên sẽ được làm quen, nghe và thực hành các chủ đề ứng với từng hoạt động phù hợp.

#### **2.6.63. [1090284], [Nghe 3], [2 TC]**

Học phần Nghe 3 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ Hai ngành Sư phạm Tiếng Anh, thuộc khoa Sư phạm, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần trang bị cho sinh viên những từ ngữ cần thiết về một số chủ đề thường gặp ở cấp độ B1, hệ thống hóa các loại hình bài tập

nghe hiểu cũng như kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của cộng đồng ngôn ngữ Anh. Phương pháp học chủ yếu của học phần này là yêu cầu sinh viên (làm việc theo cặp hoặc theo nhóm) tóm tắt lý thuyết và hệ thống hóa từng chiến lược nghe hiểu của mỗi bài học, làm bài tập thực hành, tự luyện tập một số lượng các bài tập nghe hiểu (cá nhân hoặc theo nhóm) và thảo luận tại lớp một số vấn đề chính đã luyện tập. Kết thúc học phần sinh viên có được kỹ năng nghe hiểu các bài nghe theo dạng thức IELTS ở band điểm 4.0-5.0, ứng với cấp độ B1.

#### **2.6.64. [1090288], [Nghe 4], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học các kỹ năng Nghe hiểu theo định hướng IELTS thông qua các đoạn hội thoại và độc thoại có nội dung liên quan đến hai lĩnh vực chính: tiếng Anh trong cuộc sống hàng ngày và tiếng Anh trong môi trường học thuật. Các câu hỏi nghe hiểu trong các bài học được thiết kế nhằm giúp người học trau dồi các kỹ năng nghe nắm bắt ý chính, nghe tìm thông tin cụ thể, nghe nhận biết thái độ, quan điểm và mục đích của người nói và sau cùng có thể nghe và nắm nắm được mạch nội dung của một bài nghe. Thông qua các bài học, người học còn được cung cấp các từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như được tạo cơ hội tham gia các hoạt động thảo luận sau khi nghe theo từng chủ đề liên quan.

#### **2.6.65. [1090293], [Nghe 5], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học các kỹ năng Nghe hiểu theo định hướng IELTS thông qua các đoạn hội thoại và độc thoại có nội dung liên quan đến lĩnh vực học thuật. Các câu hỏi nghe hiểu trong các bài học được thiết kế nhằm giúp người học trau dồi các kỹ năng nghe nắm bắt ý chính, nghe tìm thông tin cụ thể, nghe nhận biết thái độ, quan điểm và mục đích của người nói và sau cùng có thể nghe và nắm nắm được mạch nội dung của một bài nghe. Thông qua các bài học, người học còn được cung cấp các từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như được tạo cơ hội tham gia các hoạt động thảo luận sau khi nghe theo từng chủ đề liên quan.

#### **2.6.66. [1090270], [Đọc 1], [3 TC]**

Học phần Đọc 1 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ Nhất chuyên ngữ Anh, thuộc khoa Sư phạm, trường Đại học Quy Nhơn. Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những từ ngữ cần thiết về một số chủ đề thường gặp, hệ thống hóa các loại hình bài tập đọc hiểu cũng như kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của cộng đồng ngôn ngữ tiếng Anh. Phương pháp học chủ yếu của học phần này là yêu cầu sinh viên (làm việc theo nhóm) tóm tắt lý thuyết và hệ thống hóa từng chiến lược đọc hiểu của mỗi bài học, làm bài tập thực hành, tự luyện tập một số lượng các bài tập đọc hiểu (cá nhân hoặc theo nhóm) và thảo luận tại lớp một số vấn đề chính đã luyện tập. Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các bài đọc trình độ tiền trung cấp theo dạng thức IELTS. Mỗi bài học sẽ bao gồm các phần: Vocabulary, Skills Development và Practice. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản làm cơ sở để nâng cao kỹ năng đọc hiểu trong các học phần đọc 2.

**2.6.67. [1090280], [Đọc 2], [3 TC]**

Học phần Reading 2 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ Nhất chuyên ngữ Anh (hệ Sư phạm), thuộc khoa Sư phạm, trường Đại học Quy Nhơn. Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những từ ngữ cần thiết về một số chủ đề thường gặp, hệ thống hóa các loại hình bài tập đọc hiểu cũng như kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của cộng đồng ngôn ngữ tiếng Anh. Phương pháp học chủ yếu của học phần này là yêu cầu sinh viên (làm việc theo nhóm) tóm tắt lý thuyết và hệ thống hóa từng chiến lược đọc hiểu của mỗi bài học, làm bài tập thực hành, tự luyện tập một số lượng các bài tập đọc hiểu (cá nhân hoặc theo nhóm) và thảo luận tại lớp một số vấn đề chính đã luyện tập. Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các bài đọc trình độ trung cấp theo dạng thức FCE. Các bài học sẽ bao gồm các phần: Vocabulary, Reading and Use of English và Practice.

**2.6.68. [1090285], [Đọc 3], [2 TC]**

Học phần Đọc 3 trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng đọc hiểu ở trình độ trên trung cấp theo dạng thức bài đọc hiểu IELTS. Mỗi bài học sẽ giới thiệu đặc điểm cơ bản của một loại bài tập đọc hiểu IELTS cùng với kỹ thuật và chiến lược xử lý cho loại bài tập đó. Học phần Đọc 3 cũng trang bị cho sinh viên lượng từ vựng trên trung cấp về các đề tài phổ biến như văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường, kinh tế, khoa học và xã hội, đặc biệt giúp sinh viên phân biệt nhóm từ có nghĩa tương tự, và chiến lược xác định nghĩa của từ và các cụm từ dựa vào thành phần của từ (cấu tạo từ) và vào ngữ cảnh. Học phần đọc 3 thuộc kỹ năng bắt buộc, ứng dụng từ những kỹ năng đọc cơ bản (đọc lướt, đọc quét), các dạng bài tập cơ bản của Đọc 1 và Đọc 2 và làm cơ sở cho các học phần đọc nâng cao Đọc 4 và Đọc 5 theo hệ thống kiểm tra năng lực tiếng Anh quốc tế IELTS.

**2.6.69. [1090289], [Đọc 4], [2 TC]**

Học phần Reading 4 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ Anh, thuộc khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần này cung cấp lượng từ ngữ cần thiết về các chủ đề khoa học, xã hội thường gặp, hệ thống hóa các loại câu hỏi của bài tập đọc hiểu theo dạng thức IELTS và cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của cộng đồng ngôn ngữ tiếng Anh. Các bài đọc hiểu bao gồm nhiều chủ đề khác nhau, có độ dài phù hợp tập trung luyện từ 1 đến 2 loại câu hỏi tiêu biểu. Mục đích của học phần này là giúp sinh viên tóm tắt lý thuyết và hệ thống hóa các chiến lược đọc hiểu của mỗi bài học, làm bài tập thực hành, tự luyện tập một số lượng các bài tập đọc hiểu (cá nhân hoặc theo nhóm) và thảo luận tại lớp một số vấn đề chính đã luyện tập. Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các bài đọc trình độ cao cấp, các bài báo, tạp chí, đọc hiểu dễ dàng các nghiên cứu về các chủ đề quan tâm cũng như các bài bình về sách hoặc thông tin đa lĩnh vực về các vấn đề mang tính học thuật cao trên các trang mạng v.v.. Và cuối cùng, sinh viên có thể làm dễ dàng và thành thạo các bài kiểm tra theo dạng IELTS.

**2.6.70. [1090294], [Đọc 5], [2 TC]**

Học phần Reading 5 là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ Anh, thuộc khoa Sư phạm, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần này cung cấp lượng từ ngữ cần thiết về các chủ đề khác nhau được lấy từ sách, báo, tạp chí v. v.. với độ dài của mỗi bài đọc từ 2000-2200 từ. Các loại câu hỏi của bài tập đọc hiểu theo dạng thức IELTS bao gồm bài tập chọn trắc nghiệm, nối các thông tin phù hợp, chọn câu đúng, sai hoặc không có thông tin v. v.. Mục đích của học phần này là giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và các chiến lược đọc hiểu của mỗi bài học, thảo luận tại lớp một số vấn đề đã học và đã luyện tập. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng tự luyện các bài tập thực hành cá nhân hoặc có thể theo nhóm, tự nghiên cứu tìm tòi những bài đọc hay, thiết thực với những thay đổi của cuộc sống hiện thời. Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các bài đọc trình độ cao cấp, các bài báo, tạp chí, các nghiên cứu về nhiều chủ đề khác nhau hoặc các vấn đề mang tính học thuật cao trên v.v.. Và cuối cùng, sinh viên có thể hoàn thành tốt các bài kiểm tra theo dạng thức IELTS và đạt được mức điểm là 7.5.

**2.6.71. [1090053], [Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh kiến thức căn bản về phương pháp và phương pháp học; các học thuyết về việc học ngôn ngữ như: Thuyết Hành vi, Thuyết Tri nhận; cách sử dụng ngôn ngữ trong mọi tình huống khác nhau trong lớp học. Đây là học phần đầu tiên trong 3 học phần về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về lý thuyết dạy và học ngoại ngữ để có thể ứng dụng trong dạy từ vựng, cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ ở các học phần phương pháp giảng dạy tiếp theo. Đặc biệt, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ trong lớp học để xử lý các tình huống trong thực hành giảng dạy ở học phần phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2, 3 và phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học.

**2.6.72. [1090054], [Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2], [3 TC]**

Học phần trang bị cho người học kiến thức căn bản liên quan đến phương pháp dạy học các kỹ năng và tiểu kỹ năng thực hành tiếng Anh như phát âm, từ vựng, cấu trúc; phương pháp đánh giá kiểm tra; và cách điều chỉnh hoặc thiết kế các hoạt động giảng dạy phù hợp.

**2.6.73. [1090055], [Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 3], [3 TC]**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về cơ sở lý luận về phương pháp dạy học tiếng Anh thông qua 4 kỹ năng. Nội dung chính của học phần đi sâu về các nguyên tắc – đặt vấn đề, xác định trọng tâm về ngôn ngữ cũng như kỹ năng ở từng bài theo sách giáo khoa, quy trình các bước dạy và chọn đa dạng các hoạt động giảng dạy 4 kỹ năng theo hướng giao tiếp để bài giảng thú vị. Ngoài ra, giáo sinh còn được cung cấp kiến thức cơ bản trong kiểm tra đánh giá và biết tự đánh giá hiệu quả giờ đã dạy kỹ năng để rút ra kinh nghiệm cần khắc phục cho các tiết giảng sau.

**2.6.74. [1090057], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [1 TC]**

Học phần giúp người học luyện tập ngôn ngữ trong lớp học thông qua các hoạt động trên lớp từ lúc bắt đầu vào lớp đến khi ra về như chào hỏi, điểm danh, ôn bài cũ, giới thiệu bài mới, chia nhóm, cũng cố bài học và ra về. Học phần giúp người học hiểu được những ưu và nhược điểm của các hoạt động như làm việc cá nhân, cặp nhóm. Câu hỏi được đặt ra sau mỗi tình huống của từng chủ đề giúp người học hiểu và biết cách giải quyết các tình huống sư phạm. Ngoài ra, trong học phần này người học còn rèn luyện các kỹ năng giải quyết nhưng vấn đề này sinh trong lớp như học sinh đến lớp trễ; ồn ào, mất trật tự trong lớp hay có những hành vi không phù hợp trong lớp học.

**2.6.75. [2010086], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [1 TC]**

Học phần giúp người học áp dụng những kiến thức đã học thông qua các hoạt động luyện tập giảng dạy các tiểu kỹ năng thực hành tiếng Anh - phát âm, từ vựng, cấu trúc; thiết kế hoặc điều chỉnh các hoạt động giảng dạy phù hợp cũng như áp dụng những hiểu biết về các phương pháp đánh giá kiểm tra trong việc điều chỉnh hoặc thiết kế các hoạt động hoặc bài kiểm tra kiến thức.

**2.6.76. [2010090], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3], [2 TC]**

Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản để giáo sinh có thể dạy 4 kỹ năng nghe nói đọc viết dựa vào sách giáo khoa hiện hành. Chẳng hạn, trong soạn giáo án, giáo sinh có thể xác định trọng tâm ngôn ngữ, nắm chắc tiến trình của một bài giảng, xác định rõ kỹ năng cần được chú trọng của mỗi bài học trong sách giáo khoa. Ngoài ra, các giáo sinh phải có kỹ năng trình bày bài giảng trước lớp như cách trình bày bảng; cách đặt câu hỏi để phát triển tư duy cho các đối tượng học sinh yếu, khá và giỏi; thu thập, chọn hay tự tạo một số dụng cụ trực quan; sử dụng ngôn ngữ lớp học có hiệu quả, tiến hành một số hoạt động giảng dạy dựa vào hình ảnh, vẽ phác thảo nhanh, bài hát, bài vẽ, trò chơi, câu đố, dự án,...

**2.6.77. [2010088], [Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về mục đích, ảnh hưởng và phương pháp kiểm tra-đánh giá trong dạy học tiếng Anh để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc kiểm tra-đánh giá trong dạy và học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện việc kiểm tra-đánh giá cho nhiều mục đích khác nhau.

**2.6.78. [2010089], [Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho học sinh tiểu học], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học kiến thức căn bản liên quan đến phương pháp dạy học tiếng Anh cho học sinh tiểu học bao gồm các nội dung về đặc điểm tính cách của học sinh tiểu học, kỹ năng quản lý lớp học, phương pháp khai thác bài học, kỹ thuật thiết kế các hoạt động phù hợp theo thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner và các chiến lược giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng anh thông qua các bài học nói và đọc hiểu.

**2.6.79. [2010091], [Sử dụng đa phương tiện trong giảng dạy tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về cái khái niệm chính ICT trong dạy học ngoại ngữ, một số nguyên tắc trong dạy và học ICT với mô hình phát triển tư duy của Bloom Field và thuyết thông minh đa phương diện của Howard Gardner nhằm đa dạng hoạt động và phát huy tính tích cực của người học. Nội dung chính của học phần là giúp người học hiểu rõ vai trò của công nghệ đa phương tiện trong dạy học ngoại ngữ, khái niệm cơ bản như thông tin, giao tiếp và công nghệ, vai trò của giáo viên và giáo sinh trong khóa học và một số nguyên tắc và quy trình ứng dụng. Song song với các kiến thức về công nghệ, một số ứng dụng phổ biến và dễ sử dụng sẽ được giới thiệu nhằm phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học dựa vào sách giáo khoa.

**2.6.80. [2010087], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học ngôn ngữ, giúp sinh viên có thể hiểu được các yêu cầu cơ bản để tiến hành một nghiên cứu, cách khai thác các nguồn ngữ liệu và công cụ hỗ trợ trong nghiên cứu. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng cơ bản để viết báo cáo kết quả nghiên cứu, và tiến hành nghiên cứu ngôn ngữ.

**2.6.81. [1090295], [Biên dịch], [2 TC]**

Học phần Biên dịch nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật dịch giúp sinh viên thực hành biên dịch Anh-Việt (ở cấp độ văn bản) và dịch Việt-Anh (ở cấp độ câu). Học phần gồm 7 bài, mỗi bài học cung cấp cho người học từ vựng theo một chủ đề khác nhau (human beings, people and family, disasters and diseases, employment, the environment, social issues và learning). Trên cơ sở sinh viên đã nắm được kiến thức ngữ pháp và có vốn từ nhất định về các chủ đề, học phần giúp sinh viên tiếp tục nâng cao năng lực đọc-hiểu tiếng Anh; củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp; tiếp tục phát triển vốn từ vựng; thực hành kỹ năng biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh và có khả năng vận dụng kiến thức này trong quá trình dịch thuật tài liệu, tự nghiên cứu và giảng dạy sau này.

**2.6.82. [1090298], [Phiên dịch], [2 TC]**

Học phần Phiên dịch này giúp sinh viên nâng cao khả năng nghe và nói bằng tiếng Anh thông qua việc thực hành dịch các văn bản nói tương đối đơn giản về từ vựng và ngữ pháp thuộc các lĩnh vực môi trường, y tế, giáo dục, v.v. được lấy từ chương trình Special English của đài VOA (phần dịch Anh-Việt) và các bài tiếng Việt tương đương về nội dung và độ khó được các giáo viên cùng giảng dạy biên soạn và tự đọc (phần dịch Việt-Anh).

**2.6.83. [1090303], [Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh để phát biểu, thuyết trình trước đám đông một cách tự tin, mạch lạc và thuyết phục. Học phần được chia ra thành hai phần chính. Phần đầu là nói ngẫu hứng, gồm các bài học giúp sinh viên tập kể lại, giải thích, miêu tả, hoặc nêu suy nghĩ về một đề tài nhất định mà ít có sự chuẩn bị trước. Phần sau là thuyết trình, gồm các bài học cung cấp cho sinh viên cấu trúc, từ vựng, cách phân tích đề tài, sắp xếp ý tưởng và trình bày một



đề tài mang tính hàn lâm. Trong cả hai phần, sinh viên sẽ được cung cấp các bài nói hay bài thuyết trình mẫu để phân tích ý tưởng, cấu trúc, từ vựng, cách trình bày và sau đó luyện tập theo các tình huống giả định tương tự.

**2.6.84. [1090299], [Kỹ năng đàm phán bằng tiếng Anh], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và vốn từ vựng tiếng Anh từ cơ bản đến nâng cao liên quan đến hoạt động đàm phán thương mại. Mỗi bài học sẽ giới thiệu các giai đoạn điển hình của một cuộc đàm phán, bao gồm: chuẩn bị, đề ra mục tiêu, gặp mặt, đề xuất, xử lý bế tắc và thỏa thuận. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các tình huống điển hình trong đàm phán thương mại. Học phần còn tập trung vào các kỹ năng trong tình huống giả định nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực đàm phán thương mại và sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

**2.6.85. [1090304], [Tiếng Anh Khách sạn - Du lịch], [2 TC]**

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức mang tính học thuật về các ngôn ngữ sử dụng trong hai lĩnh vực du lịch và khách sạn. Đây là một học phần tự chọn nhằm giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong lĩnh vực chuyên ngành thông qua các bài nghe, đọc. Các bài học xoay quanh chuyên ngành du lịch và khách sạn, nhằm giúp sinh viên đáp ứng năng lực trong các môi trường kinh doanh liên quan đến hai lĩnh vực này. Ngoài ra sau khi học xong học phần này sinh viên cũng có thể tham gia các buổi họp chuyên đề, hoặc trình bày tại các hội thảo chuyên ngành liên quan.

**2.6.86. [1090300], [Tiếng Anh Thư tín Thương mại], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tạo ra các loại văn bản Tiếng Anh thông dụng để giao tiếp trong kinh doanh và văn phòng như viết thư, viết giấy ghi chú và viết thư điện tử. Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Học phần còn tập trung vào các loại văn bản khác hữu ích cho các hoạt động trong công việc như viết fax, viết báo cáo, hay cho việc phát triển nghề nghiệp sau này của sinh viên như viết thư xin việc và viết lí lịch.

**2.6.87. [1090059], [Thực tập sư phạm 1], [1 TC]**

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh các kỹ năng dạy học Tiếng Anh, các năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

**2.6.88. [1090060], [Thực tập sư phạm 2], [5 TC]**

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh các kỹ năng dạy học hóa học, thực hiện năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

**2.6.89. [2010092], [Khóa luận tốt nghiệp], [5 TC]**

Sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp dựa trên kết quả học tập năm thứ 3, tuân thủ đúng qui trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp và hướng dẫn về trình bày. Khóa luận tốt nghiệp được bảo vệ tại hội đồng. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán,... Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức hóa học đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

**2.6.90. [2010093], [Dạy học tiếng Anh theo dự án], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học kiến thức căn bản liên quan đến phương pháp dạy học tiếng Anh theo dự án (PBL) từ đó nâng cao nhận thức của người học về tầm quan trọng của việc áp dụng PBL trong giảng dạy tiếng Anh nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập đáp ứng mục tiêu phát triển các kỹ năng xã hội trong thời đại công nghệ hiện đại. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cho người học các bước triển khai hoạt động giảng dạy theo dự án và đề xuất cách thực hiện hoạt động dựa theo một số nội dung giảng dạy tiếng Anh phổ thông trung học hiện hành.

**2.6.91. [2010095], [Nghiên cứu hành động], [2 TC]**

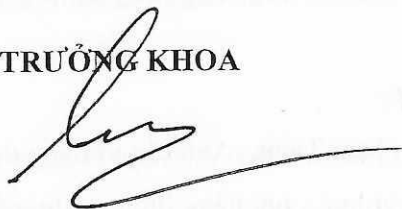
Học phần giới thiệu các bước thực hiện một nghiên cứu khoa học giáo dục từ khâu xác định được mục đích nghiên cứu cho đến thu thập, phân tích dữ liệu và báo cáo kết quả. Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức căn bản nhất về nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lớp học, nhấn mạnh tính thực tiễn hơn là tính hàn lâm. Do đó, học xong học phần, sinh viên có thể làm được sáng kiến kiến nghiệm cũng như các hoạt động nghiên cứu trong lớp học khác góp phần cải thiện chất lượng dạy và học.

**2.6.92. [2010094], [Phát triển nghiệp vụ cho giáo viên], [2 TC]**

Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc tự phát triển nghề nghiệp giảng dạy như: dự giờ quan sát lớp học, viết nhật ký, lập hồ sơ giảng dạy, là những hoạt động nhằm phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Sinh viên sẽ được cung cấp dự án mô phỏng để làm bài tập thực hành các kiến thức và kỹ năng phát triển nghề nghiệp.

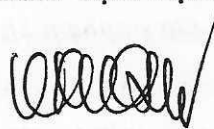
Bình Định, ngày 21. tháng 8. năm 2020

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Đình Lương

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ